



## Bài báo nghiên cứu

# ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG ĐOẠN TRÍCH *TRUYỆN KIỀU* SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU LỚP 11 ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 2018

*Lý Trần A Khuong*

*Trường Đại học Trà Vinh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Lý Trần A Khuong – Email: [lytranakhuong@gmail.com](mailto:lytranakhuong@gmail.com)*

*Ngày nhận bài: 13-7-2021; ngày nhận bài sửa: 26-01-2022; ngày duyệt đăng: 20-02-2022*

## TÓM TẮT

*Từ các nội dung lí thuyết về tự sự học, các nội dung giáo dục, yêu cầu cần đạt và tiêu chí lựa chọn ngữ liệu được nêu trong Chương trình Ngữ văn 2018, bài viết đã lựa chọn các đoạn trích Truyện Kiều dùng trong dạy học đọc hiểu lớp 11. Mặt khác, trên cơ sở đáp ứng tinh thần dạy học phân hóa, bài viết cũng đã trình bày sử dụng nghiên cứu thiết kế công cụ đánh giá độ khó đoạn trích. Nhìn nhận vị trí quan trọng và chuyên biệt của các đoạn trích Truyện Kiều (cũng như các tác phẩm truyện thơ Nôm khác) đối với sự phát triển năng lực, phẩm chất ở học sinh. Có thể thấy đây là hướng nghiên cứu tiềm năng và có thể tiếp tục lâu dài với nhiều loại văn bản văn học khác.*

**Từ khóa:** hệ thống đoạn trích; đặc trưng thể loại; lớp 11; dạy học đọc hiểu; Truyện Kiều

## 1. Đặt vấn đề

Truyện thơ Nôm là một trong số những thể loại văn học phù hợp với hoạt động giáo dục thẩm mỹ, bồi dưỡng nền tảng truyền thống song song với hoạt động giáo dục tri thức. *Truyện Kiều* trong CT Ngữ văn 2018 được xem là tác phẩm bắt buộc, góp phần định hình, phát triển cảm xúc, năng lực tưởng tượng và tư duy ngôn ngữ cho học sinh (HS). Hoạt động dạy học *Truyện Kiều* ở CT Ngữ văn 2018 không chỉ đáp ứng vấn đề kiến thức mà còn phải đáp ứng sâu các yêu cầu về kĩ năng, mục tiêu hình thành và phát huy năng lực, phẩm chất. Người dạy cần đặt các ngữ liệu vào những nhóm văn bản có tính hệ thống, sao cho yêu cầu phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện thơ Nôm ở HS được liên tục, nhất quán cũng như hỗ trợ sâu sát nhu cầu dạy học của giáo viên (GV).

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Cơ sở đề xuất hệ thống đoạn trích *Truyện Kiều*

#### 2.1.1. Căn cứ vào đặc trưng Tự sự học của tác phẩm *Truyện Kiều*

---

*Cite this article as:* Ly Tran A Khuong (2022). A Proposed system of excerpts for “The Tale of Kieu” used in Grade 11 reading comprehension teaching based on the 2018 Language Arts and Literature Curriculum. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(2), 312-328.

Chính bởi khởi nguồn cảm hứng nhân văn sâu sắc ở Nguyễn Du đã làm nên một tác phẩm thật khác, mới mẻ cả về hình thức lẫn nội dung thể hiện so với phiên bản của Thanh Tâm Tài Nhân. Nhằm đề xuất hệ thống đoạn trích, chúng tôi nhìn nhận *Truyện Kiều* dưới góc độ thi pháp học truyện thơ Nôm, cụ thể là góc độ Tự sự học – với một số đặc điểm trọng tâm có liên quan đến nội dung giáo dục trong CT Ngữ văn 2018.

#### *Về đề tài, chủ đề, tư tưởng và ý nghĩa*

Có thể nói, con người chính là đề tài căn cốt của *Truyện Kiều*. Đề tài này thực chất là sự tổng hoà của nhiều dạng thức chủ đề như tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, lí tưởng anh hùng, hạnh phúc con người... Mỗi dạng thức như được thể hiện bằng một câu chuyện nhỏ, các sự kiện nối tiếp nhau. Đặc điểm này rất thuận lợi trong việc trích đoạn tác phẩm.

Mỗi một đoạn trích trong *Truyện Kiều* có thể được xem là một “lát cắt” của đời sống con người, thời đại. “Nguyễn Du đã viết bằng sự nghiệm sinh sâu sắc. Những lời mào đầu tác phẩm ngồn ngàng tâm sự, nỗi niềm, tư tưởng, nhận thức ngược xuôi, trăn trở, thực hư.” (Nguyễn Thị Nhân, 2009). Cái đa trong chủ đề ở *Truyện Kiều* sở dĩ bắt nguồn từ nhân sinh quan vượt thoát khỏi cái bế cực của thời đại với hơi hướng hiện đại. “Đó là một cách đặt vấn đề mới và tiếp cận mới rất thú vị, có tác dụng mở rộng phạm vi đề tài *Truyện Kiều*.” (Tran 2018). Ý nghĩa của *Truyện Kiều* gắn liền với chức năng của văn học.

Tư tưởng trong *Truyện Kiều* đóng vai trò chi phối toàn bộ các yếu tố còn lại. Cần nhìn nhận dưới góc độ tư tưởng để thấy được tầm phổ quát của tác phẩm. Với đề tài, chủ đề hay ý nghĩa, cần xem xét, đánh giá các yếu tố này trong phạm vi đoạn trích để đi đến nhận định cụ thể, khách quan giữa cái phản ánh đa dạng của chúng.

#### *Về nhân vật*

Nếu như trong bản gốc của Thanh Tâm Tài Nhân, nhân vật hiện lên với tư cách là con người đạo lí thì ở *Truyện Kiều*, nhân vật còn hiện lên với tư cách là con người tâm lí. Giá trị này được thể hiện rất rõ qua một số đoạn trích *Truyện Kiều* ở CT Ngữ văn hiện hành. Chúng tôi không phủ nhận cái chân thiện mà đạo lí xây dựng, cũng không bác bỏ hay lên án những chi tiết “thực hành đạo nghĩa” trong *Kim Vân Kiều Truyện*. Chỉ khi được nhìn nhận dưới góc độ tâm lí, ta mới thấy nhân vật hiện lên như thể một con người thật. Cái nội lực của *Truyện Kiều* nằm ở chỗ nhân vật không tiến hành những màn đối thoại đạo lí mà đang thể nghiệm đạo lí, bộc lộ đầy đủ tâm trạng như là những con người cá nhân phổ biến. Dạy học đoạn trích *Truyện Kiều* cần chỉ ra được nội lực đó của tác phẩm.

#### *Về cốt truyện*

*Truyện Kiều* được sáng tạo dựa trên mô hình cốt truyện của truyện thơ dân gian (có đặc điểm gần với cổ tích). Trong thi tứ của Nguyễn Du, người ta chỉ thấy lời bình, không thấy đạo lí huân giáo (Pham, 1991). Cốt lõi của *Truyện Kiều* không nhằm để nói về thiên mệnh mà để trở vào cái bi kịch của con người. Nếu các đoạn trích không bộc lộ được mạch ngầm nhân văn, việc dạy học đọc hiểu đoạn trích *Truyện Kiều* theo đặc trưng loại thể sẽ khó chỉ ra được sự nhất quán trong kết cấu nghệ thuật.

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã đạt tới phẩm chất của tiểu thuyết, được xác định qua hai đặc điểm lớn. Thứ nhất, *Truyện Kiều* không phải là tiểu thuyết trường thiên mà là hệ thống các truyện nhỏ. Mỗi một truyện nhỏ đều vẹn toàn về kết cấu. Đặc điểm này rất thuận lợi cho việc lựa chọn đoạn trích theo nội dung, hạn chế chỉ nằm ở tính chất dài hơi, khó kiểm soát của một sự kiện. Thứ hai, *Truyện Kiều* được kể dưới nhiều hình thức lời văn khác nhau<sup>1</sup>. Đặc điểm này giúp cho việc lựa chọn đoạn trích trở nên xác đáng hơn, đi sâu vào cách thức tổ chức lời văn để phân định ranh giới giữa các ngữ liệu.

Cốt truyện của *Truyện Kiều* thực sự là điểm sáng tạo thành công của Nguyễn Du. Mô hình cốt truyện này có “*nét riêng về loại hình*” (từ dùng của Trần Đình Sử). Các sự kiện, tình tiết xảy ra trong truyện là kết quả tất yếu của những cuộc giao thoa giữa hành động và tâm lí nhân vật. Khi lựa chọn các đoạn trích *Truyện Kiều*, cần nhìn nhận chúng dưới góc độ loại hình, kết cấu tình huống và sắp xếp các đoạn trích theo trình tự tuyến tính.

#### *Về người kể và cách kể chuyện*

Ở *Truyện Kiều*, tác giả hiện diện một cách hàm ẩn (vừa thể hiện trong người kể, vừa thể hiện trong nhân vật). Mặt khác, cách kể chuyện ở *Truyện Kiều* có phần kịch tính hóa. Yếu tố kịch tính ở đây không phải là sự tăng tiến về mức độ thể hiện các sự kiện mà nói đến góc nhìn sự kiện có tính chất đại thể. Hầu như bất kể điểm nhìn nào trong *Truyện Kiều* cũng đều hướng tới cái đại thể đó. Người kể và cách kể chuyện của *Truyện Kiều* là hai yếu tố có sự liên quan mật thiết. Cả hai yếu tố đều gắn với chất trữ tình, đều hướng đến tính đại thể một cách cao độ. Vì vậy, các đoạn trích *Truyện Kiều* cần cho thấy được vai trò của người kể, cách kể đối với nội dung của truyện, tránh sa đà vào các chi tiết cụ thể, giới hạn về phạm vi ý nghĩa.

#### *Về ngôn ngữ*

Ở *Truyện Kiều*, yếu tố ngôn ngữ, đúng hơn nên được xem là một phương diện thể hiện nhiều góc độ khác nhau, không chỉ là vấn đề từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp. Nhìn chung, nghệ thuật ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* được thể hiện ở giọng điệu, yếu tố điển cố, các phép tu từ với nhiều màu sắc khác nhau. Trong *Truyện Kiều*, cảm hứng chủ đạo niềm thương cảm sâu sắc cho kiếp người tài hoa bạc mệnh. Giọng văn trần thuật chính trong tác phẩm này chỉ ứng với những chi tiết liên quan đến nhân vật trung tâm. Việc xây dựng các tình huống này cũng là để thể hiện giọng điệu nhân sinh, chi phối nghệ thuật ngôn ngữ của văn bản. Ngôn ngữ ở *Truyện Kiều* theo chúng tôi đã thể hiện xuất sắc tư tưởng, thông điệp của tác phẩm. Vì vậy, khi lựa chọn các đoạn trích, cần quan tâm đến vấn đề ngôn ngữ (qua giọng điệu, nhịp thơ, các thủ pháp nghệ thuật, tục ngữ, thành ngữ, điển cố...), cũng không nên chỉ chú ý đến tính “nhã” mà bỏ qua những đặc trưng khác về mặt ngôn ngữ.

<sup>1</sup> Như lời văn đa chủ thể, lời văn nửa trực tiếp, lời văn độc thoại nội tâm... Những đặc điểm về lời kể này không xuất hiện trong truyện thơ dân gian hay trong *Kim Vân Kiều Truyện*.

2.1.2. Căn cứ vào quan điểm dạy học Truyện Kiều của CT Ngữ văn hiện hành

CT Ngữ văn cải cách lần thứ tư (sau năm 2000) lựa chọn 9 đoạn trích *Truyện Kiều* đưa vào SGK, lần lượt gồm: *Chị em Thuý Kiều*, *Cảnh ngày xuân*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, *Mã Giám Sinh mua Kiều*, *Thuý Kiều báo ân báo oán*, *Trao duyên*, *Nỗi thương mình*, *Chí khí anh hùng*, *Thề nguyện*. Năm đoạn trích đầu được liệt kê nằm trong SGK Ngữ văn lớp 9, các đoạn trích còn lại nằm trong SGK Ngữ văn lớp 10. Có thể thấy, các đoạn trích được đưa vào CT bậc trung học cơ sở (THCS) chú trọng đến nội dung thể hiện bối cảnh xã hội, trong khi các đoạn trích ở bậc trung học phổ thông (THPT) lại chú trọng đến nghệ thuật miêu tả tâm lí và sự tự ý thức về thân phận của nhân vật.

Nhận định về tiêu chí lựa chọn các đoạn trích *Truyện Kiều* của CT Ngữ văn hiện hành, chúng tôi nhận thấy các tác giả biên soạn SGK đã dựa trên hai yếu tố: (1) *Đảm bảo quan điểm xây dựng CT và mục tiêu giáo dục được đặt ra* và (2) *Đảm bảo thể hiện rõ các vấn đề về thi pháp truyện thơ Nôm nói chung và phong cách của tác giả Nguyễn Du nói riêng*. “Dạy học nghệ thuật *Truyện Kiều* ta không chỉ quan tâm đến các thủ pháp tả cảnh ngụ tình, tả tình, tả cảnh, viết đối thoại, độc thoại, mà ngày nay cần phải hiểu nghệ thuật tự sự của truyện theo nhãn quan mới của Tự sự học.” (Tran, 2018).

2.1.3. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn ngữ liệu được nêu trong CT Ngữ văn 2018

Ngữ liệu được sử dụng cần đáp ứng các yêu cầu của CT môn học. Sau đây là bảng khảo sát thống kê của chúng tôi về nội dung các yêu cầu lựa chọn ngữ liệu trong CT Ngữ văn 2018 có liên quan đến việc lựa chọn đoạn trích *Truyện Kiều* (Bảng 1).

**Bảng 1. Yêu cầu lựa chọn ngữ liệu trong CT Ngữ văn 2018 có liên quan đến việc lựa chọn đoạn trích *Truyện Kiều***

Yêu cầu chung	Yêu cầu cụ thể
Bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các loại văn bản	Đảm bảo sự cân đối giữa các thể loại cơ bản, giữa văn học trung đại và văn học hiện đại.
Bảo đảm yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của CT môn học	– Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng năm học; – Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của văn bản.
Bảo đảm kế thừa và phát triển các CT môn Ngữ văn đã có	– CT dựa vào 9 tác gia và các tác phẩm văn học được học trong CT và SGK hiện hành; – CT lựa chọn và bổ sung một số tác giả, tác phẩm có vị trí quan trọng, tiêu biểu cho thành tựu văn học dân tộc qua các giai đoạn để dạy học trong nhà trường; – Căn cứ vào yêu cầu cần đạt (YCCĐ) ở mỗi lớp và danh sách tác phẩm bắt buộc, chọn thêm những văn bản phù hợp trong hoặc ngoài danh mục gợi ý ở cuối CT.

#### 2.1.4. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt về đọc văn bản văn học của CT Ngữ văn 2018

Qua khảo sát nội dung CT Ngữ văn 2018 – lớp 11, chúng tôi đã chọn ra được các YCCĐ và nội dung kiến thức phù hợp để tiến hành lựa chọn các đoạn trích *Truyện Kiều* dạy học đọc hiểu được thể hiện qua Bảng 2.

**Bảng 2. YCCĐ khi dạy học đọc hiểu trong các đoạn trích *Truyện Kiều***

<b>Đọc hiểu nội dung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm;</li> <li>– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản;</li> <li>– Phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản nhiều chủ đề;</li> <li>– Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản;</li> <li>– Phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản.</li> </ul>
<b>Đọc hiểu hình thức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học;</li> <li>– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ...</li> <li>– Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức thể hiện văn bản.</li> </ul>
<b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc;</li> <li>– Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học;</li> <li>– Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</li> </ul>

## 2.2. Đề xuất

### 2.2.1. Xác định tiêu chí trong xây dựng cơ sở lựa chọn ngữ liệu truyện thơ Nôm

Chúng tôi đã thiết kế được các tiêu chí lựa chọn đoạn trích *Truyện Kiều* (Bảng 3) dựa trên ba thành tố: (1) *Nội dung tiêu chí (ưu tiên đọc theo thể loại)*; (2) *Yếu tố trung tâm (sàng lọc từ nội dung tiêu chí)*; (3) *Yêu cầu cần đạt (đáp ứng CT Ngữ văn 2018)*. Nội dung tiêu chí là sự cụ thể hóa của cơ sở lí luận và nguyên tắc xây dựng cơ sở lựa chọn.

**Bảng 3. Tiêu chí trong xây dựng cơ sở lựa chọn ngữ liệu đoạn trích Truyện Kiều**

STT	Nội dung tiêu chí	Yếu tố trung tâm
<b>QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG ĐOẠN TRÍCH</b>		
1	Đề tài được áp dụng trong một phạm vi nhất định, có mối quan hệ với cốt truyện	(a) Phạm vi đề tài (b) Mối quan hệ đề tài và cốt truyện
2	Chủ đề chính và chủ đề phụ được thể hiện rõ, phục vụ trực tiếp cho đề tài	(a) Chủ đề chính (b) Chủ đề phụ
3	Tư tưởng được tác giả hoặc nhân vật thể hiện trực tiếp bằng lời hoặc gián tiếp thông qua các sự kiện	(a) Tư tưởng được thể hiện trực tiếp (b) Tư tưởng được thể hiện gián tiếp
4	Ý nghĩa được thể hiện trên hai bình diện nội dung và nghệ thuật của đoạn trích	(a) Ý nghĩa nội dung (b) Ý nghĩa hình thức
5	Các nhân vật trong đoạn trích được thể hiện dưới một hoặc nhiều dạng ngôi kể, có ý nghĩa xuất hiện	(a) Số lượng nhân vật (b) Ý nghĩa xuất hiện của nhân vật (c) Ngôi kể được dùng
6	Cốt truyện có thể kết nối các đoạn trích với nhau để hình thành một chuỗi sự kiện hoàn chỉnh	(a) Cốt truyện mang tính “lát cắt” (b) Cốt truyện tạo tiền đề để liên kết với các đoạn trích khác
7	Người kể thể hiện cái nhìn nghệ thuật và giọng điệu trần thuật	(a) Cái nhìn nghệ thuật (b) Giọng điệu
8	Cách kể (tác giả hoặc một nhân vật trong truyện) được thực hiện bằng ngôi thứ ba toàn tri, thể hiện rõ quan điểm sáng tạo	(a) Ngôi thứ ba toàn tri (b) Quan điểm sáng tạo của tác giả
9	Ngôn từ trong đoạn trích được thể hiện giá trị thẩm mỹ trên các cấp độ ngữ âm, từ vựng và văn bản, cho thấy khả năng sáng tạo nghệ thuật của tác giả	(a) Ngữ âm (b) Từ vựng (c) Văn bản (d) Khả năng sáng tạo của tác giả
10	Cảm hứng sáng tác được thể hiện trong đoạn trích, cho thấy được tư tưởng nhân đạo, các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh thông qua chủ thể sáng tạo, thái độ và tư tưởng tác giả	(a) Cảm hứng sáng tác của tác giả (b) Tư tưởng nhân đạo của tác giả (c) Giá trị văn hóa (d) Triết lí nhân sinh (e) Chủ thể sáng tạo (f) Thái độ của tác giả

**QUAN HỆ GIỮA CÁC ĐOẠN TRÍCH**

1	Các đoạn trích có thể có cùng đề tài, thỏa mãn các yêu cầu cơ bản về thao tác so sánh trong nghiên cứu	(a) Quan hệ giữa các đoạn trích (b) Thao tác so sánh trong nghiên cứu văn học
2	Các đoạn trích tạo điều kiện cho người đọc vận dụng kinh nghiệm, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá, mở rộng vấn đề để hiểu sâu về một vấn đề nào đó	(a) Kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, lịch sử văn học (b) Khả năng mở rộng vấn đề đọc hiểu
3	Các đoạn trích thể hiện được ý nghĩa, tác động của tác phẩm trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống	(a) Khả năng khơi gợi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn, cách thưởng thức, đánh giá với văn học và cuộc sống (b) Tác động trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống

**2.2.2. Thiết kế bảng đánh giá độ khó các đoạn trích Truyện Kiều**

Từ nguyên tắc đảm bảo giải quyết một số điểm mâu thuẫn giữa lí thuyết và thực tế dạy học, cần lựa chọn đoạn trích *Truyện Kiều* trên cơ sở phân hóa độ phức tạp của văn bản. Bảng đánh giá độ khó các đoạn trích *Truyện Kiều* (Bảng 4) giúp người dạy kiểm định sự phù hợp của ngữ liệu theo định hướng dạy học đọc hiểu lớp 11 của CT Ngữ văn 2018. Các tiêu chí thành phần được trình bày nối tiếp nhau theo từng biểu hiện ở ba cấp độ phân hóa.

**Bảng 4. Đánh giá độ khó các đoạn trích Truyện Kiều**

Nội dung đánh giá	Cấp độ (lớp - mức độ)		
	Cấp độ 11 - 1	Cấp độ 11 - 2	Cấp độ 11 - 3
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 1. Đề tài của đoạn trích</b>		
a. Phạm vi đề tài	Cố định, không có khả năng mở rộng nhiều đối tượng	Linh hoạt, có khả năng mở rộng cho nhiều đối tượng	Linh hoạt, hoàn toàn mở rộng được với nhiều đối tượng.
b. Mối quan hệ đề tài và cốt truyện	Đề tài trùng với cốt truyện	Đề tài gần như trùng cốt truyện	Đề tài độc lập với cốt truyện
<b>Mức độ đọc:...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 2. Chủ đề của đoạn trích</b>		
a. Chủ đề chính	Có ý nghĩa nhất quán với đoạn trích trực thuộc	Có ý nghĩa khá nhất quán với toàn bộ hay một phần văn bản	Có ý nghĩa nhất quán với toàn bộ hay một phần văn bản

Nội dung đánh giá	Cấp độ (lớp - mức độ)		
	Cấp độ 11 - 1	Cấp độ 11 - 2	Cấp độ 11 - 3
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 1. Đề tài của đoạn trích</b>		
a. Phạm vi đề tài	Cố định, không có khả năng mở rộng nhiều đối tượng.	Linh hoạt, có khả năng mở rộng cho nhiều đối tượng.	Linh hoạt, hoàn toàn mở rộng được với nhiều đối tượng.
b. Mối quan hệ đề tài và cốt truyện	Đề tài trùng với cốt truyện.	Đề tài gần như trùng cốt truyện.	Đề tài độc lập với cốt truyện.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 2. Chủ đề của đoạn trích</b>		
a. Chủ đề chính	Có ý nghĩa nhất quán với đoạn trích trực thuộc.	Có ý nghĩa khá nhất quán với toàn bộ hay một phần văn bản.	Có ý nghĩa nhất quán với toàn bộ hay một phần văn bản.
b. Chủ đề phụ	Nếu có thì mang ý nghĩa nhất quán với đoạn trích trực thuộc.	Nếu có thì mang ý nghĩa nhất quán với một số đoạn trích.	Mang ý nghĩa nhất quán với một số đoạn trích.
c. Mối quan hệ chủ đề và đề tài	Chủ đề được triển khai trực tiếp từ đề tài, dễ xác định.	Chủ đề được triển khai trực tiếp từ đề tài, dễ xác định.	Chủ đề được triển khai gián tiếp từ đề tài, có sự gần gũi.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 3. Tư tưởng của đoạn trích</b>		
a. Tư tưởng được thể hiện trực tiếp	Dễ xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời của một nhân vật trong đoạn trích.	Khá dễ xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời của nhân vật trong đoạn trích.	Có thể xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời nhân vật trong đoạn trích.
b. Tư tưởng được thể hiện gián tiếp	Gần gũi, dễ dàng xác định thông qua hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.	Không nhất thiết gần gũi, có thể xác định thông qua các hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.	Không nhất thiết gần gũi, phản ánh vấn đề của thời đại qua hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 4. Ý nghĩa của đoạn trích</b>		
a. Ý nghĩa nội dung	Thể hiện trực quan qua kết nối các thông tin trong văn bản.	Thể hiện qua kết nối hay đúc kết các thông tin có trong văn bản.	Thể hiện tương đối trực quan sự kết nối hay đúc kết các thông tin văn bản.
b. Ý nghĩa hình thức	Thể hiện trực quan qua đúc kết hình thức sử dụng ngôn ngữ.	Thể hiện tương đối trực quan qua đúc kết hình thức sử dụng ngôn ngữ.	Thể hiện tương đối trực quan qua phát hiện hình thức sử dụng ngôn ngữ.



Mức độ đọc: ...	<input type="checkbox"/> Tiêu chí 5. Nhân vật trong đoạn trích		
a. Số lượng nhân vật	Có không quá 3 nhân vật, các nhân vật ít có/ không có tác động lẫn nhau.	Có không quá 5 nhân vật, các nhân vật ít có/ không có tác động lẫn nhau.	Có không quá 8 nhân vật, các nhân vật có một vài tác động nhất định.
b. Ý nghĩa xuất hiện của nhân vật	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề được Nguyễn Du đặt ra.	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề được Nguyễn Du đặt ra và cũng để dự báo.	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề Nguyễn Du đặt ra và cũng để dự báo.
Mức độ đọc: ...	<input type="checkbox"/> Tiêu chí 6. Cốt truyện của đoạn trích		
a. Cốt truyện mang tính “lát cắt”	Có tính đại diện cho một phần của truyện, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.	Có tính đại diện cho một phần tác phẩm, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.	Có tính đại diện cho toàn bộ của truyện, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.
b. Cốt truyện liên kết với các đoạn trích khác	Các sự kiện được sắp xếp một cách hợp lí, liên kết chặt chẽ với các phần khác.	Các sự kiện được sắp xếp tương đối hợp lí, liên kết khá chặt chẽ với các phần khác.	Các sự kiện được sắp xếp khá hợp lí, liên kết chặt chẽ với các phần khác.
Mức độ đọc: ...	<input type="checkbox"/> Tiêu chí 7. Người kể của đoạn trích		
a. Cái nhìn nghệ thuật	Không được linh hoạt nhưng có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.	Tương đối linh hoạt, có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.	Linh hoạt, có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.
b. Giọng điệu	Cho thấy rõ cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.	Cho thấy hình dung sơ bộ cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.	Cho thấy đặc sắc trong cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.
Mức độ đọc: ...	<input type="checkbox"/> Tiêu chí 8. Cách kể của đoạn trích		
a. Ngôi thứ ba toàn tri	Ngôi thứ ba toàn tri với cái tôi trữ tình thể hiện điểm nhìn tự sự.	Ngôi thứ ba toàn tri bộc lộ trực tiếp các đặc điểm lời nói của nhân vật trữ tình, tự sự.	Ngôi thứ ba toàn tri bộc lộ tương đối trực tiếp các đặc điểm lời nói của nhân vật trữ tình, tự sự.

b. Quan điểm sáng tạo của Nguyễn Du	Được thể hiện trực tiếp thông qua các tình tiết cụ thể, hiển thị rõ qua văn bản.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các tình tiết cụ thể, hiển thị rõ qua văn bản.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các tình tiết tương đối cụ thể.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 9. Ngôn ngữ của đoạn trích</b>		
a. Giá trị thẩm mỹ của ngôn từ	Sự kết hợp ngôn ngữ có/ không có chủ đích, cho thấy một ý nghĩa nhất định trong sáng tạo nghệ thuật.	Sự kết hợp ngôn ngữ có chủ đích, thể hiện khả năng liên kết cao độ, biểu thị ý nghĩa sáng tạo nghệ thuật.	Sự kết hợp ngôn ngữ có chủ đích, thể hiện khả năng liên kết nhuần nhị, ý nghĩa sáng tạo nghệ thuật.
b. Ngữ âm	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, không nhất thiết thể hiện nội dung văn bản.	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, thể hiện nội dung văn bản.	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, trực quan hóa nội dung văn bản.
c. Từ vựng	Phong phú, đa dạng, không có từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.	Phong phú, đa dạng, có từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.	Phong phú, đa dạng, có ít từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.
d. Văn bản	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa quan trọng đối với nội dung hoặc nghệ thuật của truyện thơ Nôm.	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa tương đối quan trọng đối với nội dung và nghệ thuật của truyện thơ Nôm.	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa quan trọng đối với nội dung và nghệ thuật của truyện thơ Nôm.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 10. Một số giá trị khác của đoạn trích</b>		
a. Cảm hứng sáng tác của Nguyễn Du	Liên quan chặt chẽ đến vấn đề con người và thời đại.	Liên quan mật thiết đến vấn đề con người và thời đại.	Liên quan trực tiếp đến vấn đề con người và thời đại.
b. Tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, trực tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, gián tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, gián tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.
b. Chủ đề phụ	Nếu có thì mang ý nghĩa nhất quán với đoạn trích trực thuộc.	Nếu có thì mang ý nghĩa nhất quán với một số đoạn trích.	Mang ý nghĩa nhất quán với một số đoạn trích.

c. Giá trị văn hóa	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố dễ tiếp cận, không cần hiểu biết nền.	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố dễ tiếp cận, không nhất thiết phải có hiểu biết nền.	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố khá khó để tiếp cận, cần hiểu biết nền.
d. Triết lí nhân sinh	Được thể hiện gián tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, không cần phải có hiểu biết nền để khái quát.	Được thể hiện trực tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, không nhất thiết phải có hiểu biết nền để khái quát.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, cần đến hiểu biết nền để khái quát.
<b>Mức độ đọc: ... <input type="checkbox"/> Tiêu chí 11. Quan hệ giữa các đoạn trích</b>			
a. Quan hệ giữa các đoạn trích với nhau	Quan hệ hiển hiện, có ý nghĩa bổ trợ chặt chẽ cho nhau về ý nghĩa tiếp diễn.	Quan hệ ngầm ẩn, có ý nghĩa bổ trợ chặt chẽ cho nhau về ý nghĩa tiếp diễn.	Quan hệ ngầm ẩn/ hiển hiện, có ý nghĩa bổ trợ thống nhất về ý nghĩa tiếp diễn.
b. Thao tác so sánh văn học	Đảm bảo có cùng ít nhất một điểm chung.	Đảm bảo có cùng ít nhất hai điểm chung.	Đảm bảo có cùng ít nhất ba điểm chung.
c. Kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống	Tạo điều kiện để người đọc có thể áp dụng được.	Tạo điều kiện để người đọc áp dụng ở mức vừa phải.	Tạo điều kiện để người đọc áp dụng ở mức nâng cao.
d. Khả năng mở rộng vấn đề đọc hiểu	Mở rộng vấn đề với một hoặc một vài đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu văn học.	Mở rộng vấn đề với một vài đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu ngoài văn học.	Đa dạng đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu khác ngoài văn học.
e. Khởi gợi đánh giá đối với văn học và cuộc sống	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức đơn giản.	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức khá phức tạp.	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức độ đa chiều.
f. Tác động của tác phẩm đối với khả năng đánh giá của cá nhân	Khả năng thay đổi phần nào suy nghĩ của người đọc về văn học, cuộc sống.	Khả năng thay đổi phần nào quan điểm của người đọc về văn học, cuộc sống.	Khả năng thay đổi quan điểm của người đọc đối với văn học, cuộc sống.

c. Mọi quan hệ chủ đề và đề tài	Chủ đề được triển khai trực tiếp từ đề tài, dễ xác định.	Chủ đề được triển khai trực tiếp từ đề tài, dễ xác định.	Chủ đề được triển khai gián tiếp từ đề tài, có sự gắn gũi.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<b><input type="checkbox"/> Tiêu chí 3. Tư tưởng của đoạn trích</b>		
a. Tư tưởng được thể hiện trực tiếp	Dễ xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời của một nhân vật trong đoạn trích	Khá dễ xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời của nhân vật trong đoạn trích	Có thể xác định qua lời của Nguyễn Du hoặc lời nhân vật trong đoạn trích
b. Tư tưởng được thể hiện gián tiếp	Gắn gũi, dễ dàng xác định thông qua hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.	Không nhất thiết gắn gũi, có thể xác định thông qua các hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.	Không nhất thiết gắn gũi, phản ánh vấn đề của thời đại qua hình tượng nghệ thuật, trật tự sắp xếp các sự kiện.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<b><input type="checkbox"/> Tiêu chí 4. Ý nghĩa của đoạn trích</b>		
a. Ý nghĩa nội dung	Thể hiện trực quan qua kết nối các thông tin trong văn bản.	Thể hiện qua kết nối hay đúc kết các thông tin có trong văn bản.	Thể hiện tương đối trực quan sự kết nối hay đúc kết các thông tin văn bản.
b. Ý nghĩa hình thức	Thể hiện trực quan qua đúc kết hình thức sử dụng ngôn ngữ.	Thể hiện tương đối trực quan qua đúc kết hình thức sử dụng ngôn ngữ.	Thể hiện tương đối trực quan qua phát hiện hình thức sử dụng ngôn ngữ.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<b><input type="checkbox"/> Tiêu chí 5. Nhân vật trong đoạn trích</b>		
a. Số lượng nhân vật	Có không quá 3 nhân vật, các nhân vật ít có/không có tác động lẫn nhau.	Có không quá 5 nhân vật, các nhân vật ít có/không có tác động lẫn nhau.	Có không quá 8 nhân vật, các nhân vật có một vài tác động nhất định.
b. Ý nghĩa xuất hiện của nhân vật	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề được Nguyễn Du đặt ra.	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề được Nguyễn Du đặt ra và cũng để dự báo.	Nhằm mở ra hướng giải quyết cho vấn đề Nguyễn Du đặt ra và cũng để dự báo.
<b>Mức độ đọc: ...</b>	<b><input type="checkbox"/> Tiêu chí 6. Cốt truyện của đoạn trích</b>		
a. Cốt truyện mang tính “lát cắt”	Có tính đại diện cho một phần của truyện, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.	Có tính đại diện cho một phần tác phẩm, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.	Có tính đại diện cho toàn bộ của truyện, hình thành chuỗi sự kiện hoàn chỉnh.
b. Cốt truyện liên kết với các đoạn trích khác	Các sự kiện được sắp xếp một cách hợp lí, liên kết chặt chẽ với các phần khác.	Các sự kiện được sắp xếp tương đối hợp lí, liên kết khá chặt chẽ với các phần khác.	Các sự kiện được sắp xếp khá hợp lí, liên kết chặt chẽ với các phần khác.

<b>Mức độ đọc: ...</b> <input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 7. Người kể của đoạn trích</b>			
a. Cái nhìn nghệ thuật	Không được linh hoạt nhưng có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.	Tương đối linh hoạt, có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.	Linh hoạt, có sự cân đối giữa các điểm nhìn trong đoạn trích.
b. Giọng điệu	Cho thấy rõ cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.	Cho thấy hình dung sơ bộ cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.	Cho thấy đặc sắc trong cảm hứng sáng tạo và tâm thế xã hội của Nguyễn Du.
<b>Mức độ đọc: ...</b> <input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 8. Cách kể của đoạn trích</b>			
a. Ngôi thứ ba toàn tri	Ngôi thứ ba toàn tri với cái tôi trữ tình thể hiện điểm nhìn tự sự.	Ngôi thứ ba toàn tri bộc lộ trực tiếp các đặc điểm lời nói của nhân vật trữ tình, tự sự.	Ngôi thứ ba toàn tri bộc lộ tương đối trực tiếp các đặc điểm lời nói của nhân vật trữ tình, tự sự.
b. Quan điểm sáng tạo của Nguyễn Du	Được thể hiện trực tiếp thông qua các tình tiết cụ thể, hiển thị rõ qua văn bản.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các tình tiết cụ thể, hiển thị rõ qua văn bản.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các tình tiết tương đối cụ thể.
<b>Mức độ đọc: ...</b> <input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 9. Ngôn ngữ của đoạn trích</b>			
a. Giá trị thẩm mỹ của ngôn từ	Sự kết hợp ngôn ngữ có/ không có chủ đích, cho thấy một ý nghĩa nhất định trong sáng tạo nghệ thuật.	Sự kết hợp ngôn ngữ có chủ đích, thể hiện khả năng liên kết cao độ, biểu thị ý nghĩa sáng tạo nghệ thuật.	Sự kết hợp ngôn ngữ có chủ đích, thể hiện khả năng liên kết nhuần nhị, ý nghĩa sáng tạo nghệ thuật.
b. Ngữ âm	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, không nhất thiết thể hiện nội dung văn bản.	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, thể hiện nội dung văn bản.	Thể hiện sự hài hòa về âm thanh, trực quan hóa nội dung văn bản.
c. Từ vựng	Phong phú, đa dạng, không có từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.	Phong phú, đa dạng, có từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.	Phong phú, đa dạng, có ít từ khó, gần gũi, thể hiện trọn vẹn nội dung văn bản.
d. Văn bản	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa quan trọng đối với nội dung hoặc nghệ thuật của truyện thơ Nôm.	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa tương đối quan trọng đối với nội dung và nghệ thuật của truyện thơ Nôm.	Hình thức tổ chức từ và cụm từ có ý nghĩa quan trọng đối với nội dung và nghệ thuật của truyện thơ Nôm.

<b>Mức độ đọc: ...</b> <input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 10. Một số giá trị khác của đoạn trích</b>			
a. Cảm hứng sáng tác của Nguyễn Du	Liên quan chặt chẽ đến vấn đề con người và thời đại.	Liên quan mật thiết đến vấn đề con người và thời đại.	Liên quan trực tiếp đến vấn đề con người và thời đại.
b. Tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, trực tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, gián tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.	Biểu thị qua lời văn, hành động của nhân vật, gián tiếp làm rõ cảm hứng sáng tác.
c. Giá trị văn hóa	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố dễ tiếp cận, không cần hiểu biết nền.	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố dễ tiếp cận, không nhất thiết phải có hiểu biết nền.	Được lồng ghép thông qua việc sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố khá khó để tiếp cận, cần hiểu biết nền.
d. Triết lí nhân sinh	Được thể hiện gián tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, không cần phải có hiểu biết nền để khái quát.	Được thể hiện trực tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, không nhất thiết phải có hiểu biết nền để khái quát.	Được thể hiện gián tiếp thông qua các sự kiện, hành động, suy nghĩ của nhân vật, chủ thể sáng tạo, cần đến hiểu biết nền để khái quát.
<b>Mức độ đọc: ...</b> <input type="checkbox"/> <b>Tiêu chí 11. Quan hệ giữa các đoạn trích</b>			
a. Quan hệ giữa các đoạn trích với nhau	Quan hệ hiển hiện, có ý nghĩa bổ trợ chặt chẽ cho nhau về ý nghĩa tiếp diễn.	Quan hệ ngầm ẩn, có ý nghĩa bổ trợ chặt chẽ cho nhau về ý nghĩa tiếp diễn.	Quan hệ ngầm ẩn/ hiển hiện, có ý nghĩa bổ trợ thống nhất về ý nghĩa tiếp diễn.
b. Thao tác so sánh văn học	Đảm bảo có cùng ít nhất một điểm chung.	Đảm bảo có cùng ít nhất hai điểm chung.	Đảm bảo có cùng ít nhất ba điểm chung.
c. Kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống	Tạo điều kiện để người đọc có thể áp dụng được.	Tạo điều kiện để người đọc áp dụng ở mức vừa phải.	Tạo điều kiện để người đọc áp dụng ở mức nâng cao.
d. Khả năng mở rộng vấn đề đọc hiểu	Mở rộng vấn đề với một hoặc một vài đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu văn học.	Mở rộng vấn đề với một vài đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu ngoài văn học.	Đa dạng đối tượng thuộc phạm vi nghiên cứu khác ngoài văn học.
e. Khởi gợi đánh giá đối với văn học và cuộc sống	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức đơn giản.	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức khá phức tạp.	Tạo điều kiện để người đọc đánh giá ở mức độ đa chiều.
f. Tác động của tác phẩm đối với khả năng đánh giá của cá nhân	Khả năng thay đổi phần nào suy nghĩ của người đọc về văn học, cuộc sống.	Khả năng thay đổi phần nào quan điểm của người đọc về văn học, cuộc sống.	Khả năng thay đổi quan điểm của người đọc đối với văn học, cuộc sống.

Chúng tôi đã chọn lọc khách quan 20 đoạn trích *Truyện Kiều* được trình bày trong Bảng 5. Các đoạn trích này không được chọn để dạy riêng lẻ mà cần được triển khai dạy theo cụm, theo nhóm bài. Điều này thể hiện quan điểm của chúng tôi đối với yêu cầu dạy học theo chủ đề và định hướng dạy học phân hóa.

**Bảng 5. Yêu cầu dạy học đối với các đoạn trích *Truyện Kiều***

STT	Tên đoạn trích (do chúng tôi đặt tên)	Vị trí (câu)	Khả năng nhóm/ gộp	Dự kiến thời lượng dạy học
1	Chị em Thuý Kiều	15 - 38	11 - 1	2 tiết
2	Cảnh ngày xuân	39 - 56	11 - 1	2 tiết
3	Kim - Kiều tương duyên	132 - 170	11 - 1	2 tiết
4	Thề nguyện	429 - 450	11 - 2	3 tiết
5	Mã Giám Sinh mua Kiều	623 - 652	11 - 2	3 tiết
6	Trao duyên	723 - 756	11 - 2	3 tiết
7	Kiều ở lầu Ngưng Bích	1033 - 1054	11 - 1	2 tiết
8	Trùng phùng Kiều - Sở	1057 - 1148	11 - 1	2 tiết
9	Nỗi niềm thân phận	1225 - 1274	11 - 2	3 tiết
10	Cơn ghen của Hoạn Thư	1787 - 1834	11 - 2	3 tiết
11	Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều	1483 - 1526	11 - 2	3 tiết
12	Thuý Kiều ở Quan Âm Các	1925 - 1964	11 - 3	4 tiết
13	Thuý Kiều gặp Bạc Hạnh	2113 - 2164	11 - 2	3 tiết
14	Thuý Kiều gặp Từ Hải	2165 - 2212	11 - 2	3 tiết
15	Chí khí anh hùng	2213 - 2256	11 - 1	2 tiết
16	Kiều báo ân báo oán	2397 - 2438	11 - 2	3 tiết
17	Kiều sau cái chết của Từ	2537 - 2588	11 - 3	4 tiết
18	Thuý Kiều quyên sinh	2605 - 2648	11 - 2	3 tiết
19	Lời tiên tri	2651 - 2708	11 - 3	4 tiết
20	Đoàn viên	3215 - 3254	11 - 3	4 tiết

(\*) Thời lượng giảng dạy các đoạn trích *Truyện Kiều* nêu trên chỉ là dự kiến (hướng dạy riêng lẻ từng bài). Trên thực tế, việc phân bố thời lượng giảng dạy này còn phụ thuộc vào phân phối chương trình môn học, thiết kế kế hoạch bài dạy của giáo viên (có thể căn cứ vào vị trí của đoạn trích, khả năng nhóm/ gộp các đoạn trích để dạy học theo chủ đề).

Thời lượng thực hiện chương trình (theo tiết) dành cho lớp 11 được nêu trong Chương trình Ngữ văn 2018 là 105 tiết (trong đó, tỉ lệ phần trăm số tiết dành cho việc đọc, viết, nói – nghe và đánh giá định kì lần lượt là 60%, 25%, 10% và 5%). Việc thiết kế một bài dạy phải chú trọng phát triển ở người học cả bốn kĩ năng, và thời lượng dành cho mỗi kĩ năng phải được sắp xếp theo tỉ lệ nêu trên.

Nhìn từ thời lượng của CT, để đảm bảo thực hiện hợp lí các nội dung giáo dục được quy định ở lớp 11, phần truyện thơ Nôm nên được phân bổ trong khoảng 15-20 tiết. Trong đó, có 9-12 tiết dành cho việc đọc, 4-5 tiết dành cho viết, 1-2 tiết dành cho nói và nghe, khoảng 1 tiết là kiểm tra, đánh giá. GV có thể chọn 2-3 đoạn trích *Truyện Kiều* (theo cấp độ) mà chúng tôi đề nghị để dạy (trương đương với tối thiểu 9 tiết dạy đọc). Sau đó, cung cấp cho HS ít nhất một nhóm văn bản khác (gồm 2-3 đoạn trích) có độ khó và dung lượng tương đương với các văn bản đã học trên lớp để các em tự đọc, tự học có hướng dẫn. Việc lựa chọn các đoạn trích nói chung cần được thực hiện theo định hướng: (1) *Đảm bảo trật tự diễn biến các sự kiện theo nội dung cốt truyện*; (2) *Đảm bảo sự hình thành và phát triển liên tục các kĩ năng ở HS theo độ khó của ngữ liệu*. Do đó, chúng tôi không ưu tiên đề xuất một hay một nhóm đoạn trích quan trọng nào mà chỉ đưa ra tiêu chí lựa chọn. Các đoạn trích được trình bày trong bài viết này chỉ là gợi ý, được lựa chọn từ cơ sở nghiên cứu của chúng tôi.

### 3. Kết luận

Dạy học đọc hiểu *Truyện Kiều* suy cho cùng là sự dẫn dắt, định hướng người học trên con con đường lĩnh hội những tri thức văn hóa – văn học dưới ngòi bút tài tình của Nguyễn Du. Các văn bản được chọn trong CT phải thực sự chứa đựng điều kiện để tạo nên những cuộc đối thoại văn hóa, đồng sáng tạo giữa người học và tác giả. Quan trọng hơn hết là góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Các đoạn trích *Truyện Kiều* được sử dụng trong dạy học đọc hiểu lớp 11 cần đáp ứng các yêu cầu lựa chọn ngữ liệu của CT Ngữ văn 2018 và giải quyết được những điểm mâu thuẫn đang tồn đọng trong thực tế triển khai CT Ngữ văn hiện hành. Bằng công cụ đánh giá ngữ liệu được nghiên cứu thiết kế, chúng tôi đã tìm được 20 đoạn trích *Truyện Kiều* (gợi ý theo độ khó). Các tiêu chí trong bảng đánh giá sẽ trở thành phương tiện trực tiếp hỗ trợ GV hướng dẫn HS đạt được những YCCĐ được quy định trong CT Ngữ văn 2018. Trừ những trường hợp có khuyến nghị riêng, các đoạn trích *Truyện Kiều* nêu trên không nên dùng riêng lẻ mà cần được triển khai dạy theo cụm, theo nhóm bài. Điều này góp phần thể hiện quan điểm tích cực của chúng tôi đối với yêu cầu dạy học theo chủ đề và định hướng dạy học phân hóa.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Le, B. H., Tran, D. S., Nguyen, K. P. (2000). *Tu dien thuat ngu van hoc [Dictionary of Literature Terms]*. Hanoi: Vietnam National University.
- Ly, T. A. K. (2021). Selection of The Tale of Kieu's Excerpt System Used in Reading Comprehension Teaching Based on 2018 Language Arts and Literature Program. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(8).
- Ministry of Education and Training (2018). *Chuong trinh mon Ngu van [Language Arts and Literature Program]*.
- Nguyen, T. N. (2009). *Thi phap cot truyen truyen tho Nom va Truyen Kieu [The Poetics of Nom Narrative Poetry Plot and The Tale of Kieu]*. Hanoi: University of Education.
- Pham, D. Q. (1991). *Truyen Kieu doi chieu [The Tale of Kieu Comparison]*. Hanoi: Youth Publishing House.
- Tran, D. S. (2017). *Dan luan thi phap van hoc [Introduction to Literary Poetics]*. Hanoi: University of Education.
- Tran, D. S. (2018). *The Poetics of The Tale of Kieu [Thi phap Truyen Kieu]*. Hanoi: University of Education.

---

**A PROPOSED SYSTEM OF EXCERPTS FOR “THE TALE OF KIEU”  
USED IN GRADE 11 READING COMPREHENSION TEACHING  
BASED ON THE 2018 LANGUAGE ARTS AND LITERATURE CURRICULUM**

*Ly Tran A Khuong*

*Tra Vinh University, Vietnam*

*Corresponding author: Ly Tran A Khuong – Email: lytranakhuong@gmail.com*

*Received: July 13, 2021; Revised: January 26, 2022; Accepted: February 20, 2022*

**ABSTRACT**

*Based on narratology theory, education contents, requirements and criteria for text selection in the 2018 Language Arts and Literature Curriculum, we conducted this study to find the excerpts from The Tale of Kieu used in Grade 11 reading comprehension teaching. Based on differentiated instruction spirit, we also studied and designed a tool to assess the excerpt's difficulty. Recognizing the important and special position of The Tale of Kieu' excerpts (as well as the other of Nom narrative poetry) for the development of students' abilities and qualities, we believe that is a potential research direction for a long time with many other literature text genres.*

**Keywords:** excerpts; genre's feature; grade 11; reading teaching; The Tale of Kieu